



NEXIA ACPA
Auditing & Consulting

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập
và Báo cáo của Ban Giám đốc



Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	10

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lâm Thiếu Quân	Chủ tịch	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Hsun Tony Cau Fong	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	28 tháng 3 năm 2012
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	-
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	28 tháng 3 năm 2012	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban	9 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	15 tháng 4 năm 2011	-
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	28 tháng 3 năm 2012
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên	28 tháng 3 năm 2012	-

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc	13 tháng 7 năm 2009	-
Ông Tạ Huy Phong	Giám đốc điều hành	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Tâm Trí	Phó Giám đốc	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	16 tháng 3 năm 2012
Ông Trương Thái Quảng	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	-

2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc, 



NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 5 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 116-21-11 (FY 2012)

**Gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, các thuyết minh kèm theo, như được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo Tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý về báo cáo tài chính của Công ty không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và trình bày báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính gây ra bởi gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, mà không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng những bằng chứng kiểm toán chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và phát hành riêng biệt.

Việc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành cho mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính cơ bản một cách tổng thể. Những thông tin bổ sung tại Phụ lục 1 đến Phụ lục 3 từ trang 33 đến 38 không phải là một phần của Báo cáo tài chính cơ bản này. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các thông tin này. Những thông tin này không phụ thuộc vào các thủ tục kiểm toán chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính cơ bản và do đó, chúng tôi áp dụng không đưa ra ý kiến về các thông tin này.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN NEXIA ACPA

Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231



NGUYỄN QUỐC TUẤN

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV

Phó Tổng Giám đốc

NGUYỄN MẠNH TUẤN

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0817/KTV

Kiểm toán viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 5 năm 2013

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		175.236.565.389	111.586.509.083
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	62.386.046.973	14.401.011.885
Tiền	111		5.919.046.973	5.101.011.885
Các khoản tương đương tiền	112		56.467.000.000	9.300.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.460.400.000	18.543.668.392
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	4	11.460.400.000	18.543.668.392
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.145.482.626	61.299.215.594
Phải thu khách hàng	131	31	31.840.035.766	50.927.482.982
Trả trước cho người bán	132		656.259.595	2.685.581.204
Phải thu khác	135	5; 31	48.674.067.135	8.574.257.217
Dự phòng phải thu khó đòi	139	6	(1.024.879.870)	(888.105.809)
Hàng tồn kho	140	7	17.036.736.700	11.753.484.607
Hàng tồn kho	141		19.122.999.576	13.419.446.542
Dự phòng hàng tồn kho	149		(2.086.262.876)	(1.665.961.935)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.207.899.090	5.589.128.605
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.730.529.864	2.764.845.504
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		259.463.903	277.774.507
Thuế và các khoản phải thu Ngân sách Nhà nước	153		1.081.030.526	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	1.136.874.797	2.546.508.594
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.117.104.214	65.233.862.758
Tài sản cố định	220		680.127.032	2.308.304.770
Tài sản cố định hữu hình	221	10	541.948.586	1.005.973.073
- Nguyên giá	222		3.588.309.293	4.004.085.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.046.360.707)	(2.998.111.949)
Tài sản cố định vô hình	227	11	20.109.441	65.812.776
- Nguyên giá	228		109.688.000	109.688.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(89.578.559)	(43.875.224)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	118.069.005	1.236.518.921
Bất động sản đầu tư	240	13	9.232.221.064	15.505.224.590
- Nguyên giá	241		39.999.680.784	38.179.543.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(30.767.459.720)	(22.674.318.518)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		22.279.558.608	43.809.227.098
Đầu tư vào công ty con	251	14	16.629.330.000	4.629.330.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	32.119.400.000
Đầu tư dài hạn khác	258	15	5.650.228.608	7.060.497.098
Tài sản dài hạn khác	260		3.925.197.510	3.611.106.300
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.042.797.884	995.122.416
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	28	36.888.698	48.187.637
Tài sản dài hạn khác	268	16	2.845.510.928	2.567.796.247
TỔNG TÀI SẢN	270		211.353.669.603	176.820.371.841

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
NỢ PHẢI TRẢ	300		64.935.329.591	61.028.021.782
Nợ ngắn hạn	310		56.658.263.821	58.200.234.965
Vay ngắn hạn	311	17	2.318.930.188	2.676.888.550
Phải trả người bán	312	31	26.928.046.280	43.724.035.491
Người mua trả tiền trước	313		2.988.801.256	887.730.228
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	18	15.086.098.001	5.204.604.503
Phải trả người lao động	315		2.500.000	-
Chi phí phải trả	316	19	558.193.744	1.120.805.477
Phải trả khác	319	20; 31	6.001.633.833	1.615.116.989
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.049.278.795	1.334.170.159
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.724.781.724	1.636.883.568
Nợ dài hạn	330		8.277.065.770	2.827.786.817
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	138.906.000
Doanh thu chưa thực hiện	338		7.058.045.834	1.056.131.671
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.219.019.936	1.632.749.146
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		146.418.340.012	115.792.350.059
Vốn chủ sở hữu	410	21	146.418.340.012	115.792.350.059
Vốn cổ phần	411		92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.083.358.132	6.083.358.132
Cổ phiếu quỹ	414		(1.007.355.357)	(286.125.132)
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.206.932.831	4.076.216.022
Lợi nhuận chưa phân phối	420		46.770.944.406	13.554.441.037
TỔNG NGUỒN VỐN	440		211.353.669.603	176.820.371.841

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:

PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 5 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	151.213.111.532	190.233.016.970
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	22	(60.698.220)	(8.736.000)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22	151.152.413.312	190.224.280.970
Giá vốn hàng bán	11	23;32	(107.343.744.521)	(141.385.419.581)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.808.668.791	48.838.861.389
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	66.074.353.180	3.758.857.926
Chi phí tài chính	22	25	(591.739.148)	(1.703.259.150)
Chi phí bán hàng	24	32	(11.648.479.141)	(12.027.424.599)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	32	(12.200.222.747)	(9.104.899.252)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85.442.580.935	29.762.136.314
Thu nhập khác	31	26	603.035.300	896.808.542
Chi phí khác	32	27	(4.210.376.010)	(162.172.049)
Lợi nhuận khác	40		(3.607.340.710)	734.636.493
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		81.835.240.225	30.496.772.807
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	(17.536.070.617)	(4.072.158.867)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	(11.298.939)	(161.847.657)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	21	64.287.870.669	26.262.766.283

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 5 năm 2013



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		81.835.240.225	30.496.772.807
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		8.866.109.378	6.852.573.126
Thay đổi các khoản dự phòng	03		557.075.002	204.594.461
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	04		(402.012.584)	(203.984.527)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(65.980.731.914)	(3.457.670.011)
Chi phí lãi vay	06		454.100.074	828.607.563
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		25.329.780.181	34.720.893.419
Giảm các khoản phải thu	09		21.803.824.727	7.950.422.018
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(5.703.553.034)	7.827.116.736
Giảm các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		(3.753.861.818)	(6.677.715.529)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		986.640.172	(614.606.694)
Tiền lãi vay đã trả	13		(462.398.429)	(857.944.750)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.863.883.031)	(4.107.006.837)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		181.579.611	217.537.875
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.795.797.926)	(1.301.665.698)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20		23.722.330.453	37.157.030.540
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.008.416.939)	(979.697.453)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		335.501.409	214.303.785
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.780.000.000)	(85.174.180.750)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.842.033.432	85.027.042.677
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25		(12.000.000.000)	(2.994.000.000)
Tiền thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư tại công ty liên kết	26		31.061.186.970	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.958.916.838	3.450.599.370
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ/(sử dụng cho) hoạt động đầu tư	30		53.409.221.710	(455.932.371)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(721.230.225)	(60.784.000)
Tiền vay nhận được	33		-	13.467.068.575
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.676.888.550)	(16.756.878.750)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(25.748.398.300)	(29.488.548.700)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính	40		(29.146.517.075)	(32.839.142.875)

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ/NĂM	50		47.985.035.088	3.861.955.294
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ/NĂM	60	3	14.401.011.885	10.539.056.591
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ/NĂM	70	3	62.386.046.973	14.401.011.885

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Trong năm có các giao dịch chủ yếu không bằng tiền như sau:

Nội dung	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Chuyển nhượng cổ phần nắm giữ tại Công ty liên kết chưa thu tiền	30.002.973.940	-
Phải trả người bán chuyển sang vay ngắn hạn	2.318.930.188	-
Phải thu hồi vốn góp vào Công ty liên kết	1.058.213.030	-
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	110.000.000	-

Người lập:



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 5 năm 2013



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (trước đây là Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Toàn Cầu) ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 045928 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 11 năm 1996. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005, Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp để tăng vốn điều lệ và mở rộng ngành nghề kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1 Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động của Công ty là mua bán thiết bị điện, điện tử, máy phát điện, thiết bị chống sét; đại lý kỹ gởi hàng hóa; mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị chống trộm, thiết bị chiếu sáng cho xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh trong công nghiệp và dân dụng; mua bán máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ; nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; mua bán hàng kim khí điện máy, thiết bị điện, điện tử, tin học; tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin; sản xuất, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường; xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống; sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống; xây dựng giao thông, thủy lợi; dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi; môi giới và kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh và sản xuất thiết bị viễn thông.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 92.364.460.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm có:

Cổ đông	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	4.129.249	44,71%
Vietnam Infrastructure Holding Limited	1.767.536	19,14%
Ông Nguyễn Hữu Dũng	543.339	5,88%
Ông Tạ Huy Phong	182.034	1,97%
Cổ phiếu quỹ	58.650	0,63%
Các cổ đông khác	2.555.638	27,67%
	9.236.446	100,00%

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty có 73 nhân viên (31 tháng 12 năm 2011: 85 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này:

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến được thừa nhận ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong kỳ và nhất quán với chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và phát hành riêng biệt.

2.2. Năm tài chính

Trong năm, Công ty đã thay đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 sang ngày 31 tháng 3. Những năm tài chính tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3. Các báo cáo tài chính này được lập cho kỳ mười lăm (15) tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013.

2.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Công ty phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng ngoại tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận và trình bày theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính.

Ghi nhận ban đầu

Các tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua được tài sản tài chính đó.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, tài sản ngắn hạn và dài hạn khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Các khoản nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu các khoản nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành khoản nợ tài chính đó.

Các khoản nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước, chi phí phải trả, phải trả khác và dự phòng phải trả ngắn hạn.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu cho việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2.7. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, dự phòng được tính toán như sau theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

Khoản mục	Tình trạng quá hạn của khoản nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Quá hạn dưới 1 năm	30%
2	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	50%
3	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	70%
4	Quá hạn trên 3 năm	100%

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	2 - 7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	2 - 6

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

2.10. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng trạm thu phát sóng chưa được hoàn toàn hoàn thành và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

2.12. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau:

	<u>Năm</u>
Trạm thu phát sóng	5 - 6

2.13. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua cho tới ngày thanh lý.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.14. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 0,35% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.16. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập trên lợi nhuận trước thuế dựa trên tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu hàng năm và hạch toán vào chi phí. Cụ thể như sau:

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	Tỷ lệ trích
Nhỏ hơn 20%	0%
Từ 20% đến 25%	2%
Từ 25% đến 30%	4%
Từ 30% đến 35%	6%
Từ 35% đến 40%	8%
Lớn hơn 40%	10%

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản lợi ích có liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

2.18. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

2.19. Chi phí vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập có liên quan đến các khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thực hiện hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực hay cơ bản có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông của Công ty, các công ty con, các công ty liên kết và công ty liên doanh của Công ty và các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông.

2.22. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

2.23. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

2.24. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.25. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tiền mặt	1.723.878.548	104.184.712
Tiền gửi ngân hàng	4.195.168.425	4.996.827.173
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	56.467.000.000	9.300.000.000
	62.386.046.973	14.401.011.885

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ như sau:

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	837	883
- Euro ("EUR")	203	217

4. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong, công ty mẹ với lãi suất 16,20% một năm (2011: 135.000 USD với lãi suất 3,96% một năm)	10.460.000.000	2.781.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Inno, công ty con và không tính lãi suất	461.400.000	6.814.400.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu, công ty liên kết, với lãi suất từ 18,00% đến 19,80% một năm (2011: 18,00% đến 19,80% một năm)	-	6.468.268.392
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh, bên liên quan với lãi suất từ 18,00% đến 19,80% một năm (2011: 18,00% đến 19,80% một năm)	-	2.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng	539.000.000	480.000.000
	11.460.400.000	18.543.668.392

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	30.002.973.940	-
Phải thu cổ tức	9.012.000.000	-
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong, công ty mẹ	2.850.000.000	6.550.000.000
Phải thu lãi cho vay	2.290.361.777	283.520.641
Khoản vay cung cấp cho các công ty liên quan	1.950.000.000	397.313.510
Phải thu hồi vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	1.058.213.030	-
Khoản phải thu hồi vốn góp từ Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	110.000.000	-
Phải thu phí tiện ích	80.456.228	153.296.604
Phải thu khác	320.062.160	190.126.462
	48.674.067.135	8.574.257.217

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	888.105.809	1.059.448.208
Dự phòng tăng trong kỳ/năm	921.304.277	360.167.928
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(784.530.216)	(531.510.327)
Số dư cuối kỳ/năm	1.024.879.870	888.105.809

7. Hàng tồn kho

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Nguyên vật liệu	2.648.873.900	3.360.751.542
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.288.022.199	3.631.430.435
Thành phẩm	418.215.642	372.680.902
Hàng hóa	8.767.887.835	6.054.583.663
	19.122.999.576	13.419.446.542
Dự phòng hàng tồn kho	(2.086.262.876)	(1.665.961.935)
	17.036.736.700	11.753.484.607

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	1.665.961.935	1.290.025.075
Dự phòng tăng trong kỳ/năm	420.300.941	375.936.860
Số dư cuối kỳ/năm	2.086.262.876	1.665.961.935

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Thuê đất cho trạm thu phát sóng	Dụng cụ văn phòng	Công cụ và dụng cụ	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	2.268.652.078	467.586.648	28.606.778	2.764.845.504
Tăng trong kỳ	6.720.736.566	86.795.637	-	6.807.532.203
Phân bổ trong kỳ	(7.499.851.491)	(323.476.856)	(18.519.496)	(7.841.847.843)
Số dư cuối kỳ	1.489.537.153	230.905.429	10.087.282	1.730.529.864

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tạm ứng	875.142.004	2.103.196.190
Đặt cọc ngắn hạn	261.732.793	443.312.404
	1.136.874.797	2.546.508.594

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	139.106.240	361.322.879	2.639.315.755	864.340.148	4.004.085.022
Tăng trong kỳ	-	-	-	82.818.181	82.818.181
Tăng khác	-	-	-	55.162.335	55.162.335
Thanh lý	-	-	(350.084.760)	(203.671.485)	(553.756.245)
Số dư cuối kỳ	139.106.240	361.322.879	2.289.230.995	798.649.179	3.588.309.293
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	(2.060.834)	(287.743.013)	(2.085.481.367)	(622.826.735)	(2.998.111.949)
Hao mòn trong kỳ	(28.980.480)	(22.732.755)	(319.936.800)	(175.192.633)	(546.842.668)
Tăng khác	-	-	-	(55.162.335)	(55.162.335)
Thanh lý	-	-	350.084.760	203.671.485	553.756.245
Số dư cuối kỳ	(31.041.314)	(310.475.768)	(2.055.333.407)	(649.510.218)	(3.046.360.707)
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	137.045.406	73.579.866	553.834.388	241.513.413	1.005.973.073
Số dư cuối kỳ	108.064.926	50.847.111	233.897.588	149.138.961	541.948.586

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 1.369 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 (31 tháng 12 năm 2011: 1.730 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	109.688.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(43.875.224)
Hao mòn trong kỳ	(45.703.335)
Số dư cuối kỳ	(89.578.559)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	65.812.776
Số dư cuối kỳ	20.109.441

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	1.236.518.921	1.134.073.419
Tăng trong kỳ/năm	518.311.417	649.014.112
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.636.761.333)	(546.568.610)
Số dư cuối kỳ/năm	118.069.005	1.236.518.921

13. Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	38.179.543.108
Tăng trong kỳ	407.287.341
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.636.761.333
Thanh lý	(202.012.815)
Xóa sổ	(21.898.183)
Số dư cuối kỳ	39.999.680.784
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(22.674.318.518)
Hao mòn trong kỳ	(8.273.563.375)
Thanh lý	158.523.990
Xóa sổ	21.898.183
Số dư cuối kỳ	(30.767.459.720)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	15.505.224.590
Số dư cuối kỳ	9.232.221.064

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Đầu tư vào công ty con

	31 tháng 3 năm 2013		31 tháng 12 năm 2011	
	% sở hữu	VNĐ	% sở hữu	VNĐ
Công ty Cổ phần Inno (*)	99,96%	14.994.000.000	99,80%	2.994.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem	51,00%	1.635.330.000	51,00%	1.635.330.000
		16.629.330.000		4.629.330.000

(*) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0303655453 ngày 24 tháng 9 năm 2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Inno đã tăng vốn điều lệ từ 3.000 triệu VNĐ lên 15.000 triệu VNĐ. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty đã đầu tư 14.994 triệu VNĐ, tương đương 99,96% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Inno (31 tháng 12 năm 2011: 2.994 triệu VNĐ, tương đương 99,80%).

15. Đầu tư dài hạn khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm tại ngân hàng	2.719.676.608	4.129.945.098
Đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF (a)	1.831.595.000	1.831.595.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF (b)	1.098.957.000	1.098.957.000
	5.650.228.608	7.060.497.098

(a) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với số tiền là 100.000 USD.

(b) Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với lãi suất 16,8% một năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011.

16. Tài sản dài hạn khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Đặt cọc tiền thuê	2.179.350.000	2.170.850.000
Thẻ chấp tại ngân hàng để bảo lãnh cho các hợp đồng kinh tế	138.600.928	182.136.247
Đặt cọc khác	527.560.000	214.810.000
	2.845.510.928	2.567.796.247

17. Vay ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà của Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều hành. Khoản vay này chịu lãi suất từ 11% đến 18,5% một năm (2011: 6,5% đến 18,5% một năm).	2.318.930.188	2.676.888.550

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	344.449.989
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	175.636.521	140.950.125
Thuế xuất nhập khẩu	34.474.672	62.562.444
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.749.164.161	4.076.976.575
Thuế thu nhập cá nhân	126.822.647	312.857.825
Thuế nhà thầu	-	266.807.545
	15.086.098.001	5.204.604.503

19. Chi phí phải trả

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Chi phí vận chuyển, lắp đặt, nhân công trạm	558.193.744	1.024.507.122
Chi phí dịch vụ chuyên môn	-	88.000.000
Chi phí lãi vay	-	8.298.355
	558.193.744	1.120.805.477

20. Phải trả khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tiền phạt chậm nộp thuế	4.059.820.569	-
Khoản vay phải trả các bên liên quan (*)	1.491.562.217	958.857.266
Tiền thuê đất từ bên liên quan	169.683.333	284.348.160
Quỹ phúc lợi phải trả công ty mẹ	40.898.290	113.675.000
Phí tiện ích	89.359.026	115.225.411
Phải trả khác	150.310.398	143.011.152
	6.001.633.833	1.615.116.989

(*) Khoản vay các bên liên quan không phải đảm bảo và không chịu lãi suất.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ/năm như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011	92.364.460.000	6.083.358.132	(225.341.132)	237.615.549	4.076.216.022	18.026.224.905	120.562.533.476
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	26.262.766.283	26.262.766.283
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(29.488.548.700)	(29.488.548.700)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	(1.483.617.000)	(1.483.617.000)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	(237.615.549)	-	237.615.549	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(60.784.000)	-	-	-	(60.784.000)
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2012	92.364.460.000	6.083.358.132	(286.125.132)	-	4.076.216.022	13.554.441.037	115.792.350.059
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	64.287.870.669	64.287.870.669
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(25.748.398.300)	(25.748.398.300)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	3.213.609.000	(5.322.969.000)	(2.109.360.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(721.230.225)	-	-	-	(721.230.225)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế những năm trước	-	-	-	-	(5.082.892.191)	-	(5.082.892.191)
Số dư, ngày 31 tháng 3 năm 2013	92.364.460.000	6.083.358.132	(1.007.355.357)	-	2.206.932.831	46.770.944.406	146.418.340.012

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 3 năm 2013		31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được phê duyệt	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Cổ phiếu đã phát hành	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	(58.650)	(1.007.355.357)	(19.750)	(286.125.132)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành	9.177.796	91.357.104.643	9.216.696	92.078.334.868

Tất cả cổ phiếu đều có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Doanh thu bán hàng hóa sản phẩm tích hợp, dịch vụ kỹ thuật	113.134.468.947	161.726.706.261
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	38.078.642.585	28.506.310.709
Tổng doanh thu	151.213.111.532	190.233.016.970
Khoản giảm trừ doanh thu – Hàng bán bị trả lại	(60.698.220)	(8.736.000)
Doanh thu thuần	151.152.413.312	190.224.280.970

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Giá vốn của hàng hóa sản phẩm tích hợp, dịch vụ kỹ thuật	85.517.663.641	125.317.825.937
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	21.405.779.939	15.691.656.784
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	420.300.941	375.936.860
	107.343.744.521	141.385.419.581

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Cổ tức và lợi nhuận được chia	31.128.000.000	1.632.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu, công ty liên kết	30.002.973.940	-
Lãi tiền gửi	3.879.340.885	1.058.010.055
Lãi cho vay	970.417.089	827.659.956
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	93.163.377	241.187.915
Khác	457.889	-
	66.074.353.180	3.758.857.926

25. Chi phí tài chính

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí lãi vay	454.100.074	828.607.563
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	127.538.888	814.651.587
Lỗ từ bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tên Lửa	-	60.000.000
Khác	10.100.186	-
	591.739.148	1.703.259.150

26. Thu nhập khác

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn	445.501.409	214.303.785
Hoàn nhập các khoản dự phòng	53.925.555	307.383.533
Tiền thu từ phạt vi phạm hợp đồng	14.255.997	330.741.408
Thu nhập khác	89.352.339	44.379.816
	603.035.300	896.808.542

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

27. Chi phí khác

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Phạt do chậm nộp thuế	4.059.820.569	-
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã thanh lý	43.488.825	10.319.258
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng và phạt khác	5.097.986	85.167.032
Chi phí khác	101.968.630	66.685.759
	4.210.376.010	162.172.049

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo Nghị định Số 60/2012/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành Nghị quyết Số 29/2012/NQ-QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các hoạt động của Công ty đáp ứng được các tiêu chí của doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó Công ty được giảm 30% thuế TNDN cho toàn bộ năm 2012.

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong kỳ/năm được tính như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ/năm hiện hành	12.530.483.894	4.072.158.867
Dự phòng thiếu những năm trước	5.005.586.723	-
	17.536.070.617	4.072.158.867
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	11.298.939	161.847.657
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	17.547.369.556	4.234.006.524

Việc tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013		Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	81.835.240.225		30.496.772.807	
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	20.458.810.056	25,00%	7.624.193.202	25,00%
Chi phí không được khấu trừ	1.143.949.106	1,40%	118.515.465	0,39%
Ưu đãi thuế	-	-	(1.469.039.363)	(4,82%)
Giảm thuế	(1.290.275.268)	(1,58%)	(1.631.662.780)	(5,35%)
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận được chia từ công ty con	(7.782.000.000)	(9,51%)	(408.000.000)	(1,34%)
Chênh lệch do thay đổi thuế suất	11.298.939	0,01%	-	-
Dự phòng thiếu những năm trước	5.005.586.723	6,12%	-	-
	17.547.369.556	21,44%	4.234.006.524	13,88%

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được công ty ghi nhận và tình hình biến động trong kỳ/năm như sau:

	Số dư tại 31 tháng 12 năm 2011	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số dư tại 31 tháng 3 năm 2013
Chi phí bảo hành phải trả	48.187.637	(11.298.939)	36.888.698

29. Lãi trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

30. Các mục tiêu và nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro tài chính như rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập các mục tiêu và nguyên tắc quản trị rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập việc đo lường kiểm soát rủi ro và các giới hạn rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và thực hiện các giới hạn rủi ro. Hệ thống và chính sách quản trị rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất. Mục tiêu của việc quản trị rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là VNĐ. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các công cụ phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ này có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của việc biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền	837	883
Trả trước cho người bán	24.714	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	135.000
	25.551	135.883
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	150.162	213.569

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết như là các khoản vay vốn của Công ty theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được đề cập đến lại rủi ro mà một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán.

Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các Công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong năm vừa qua.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản trị rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý bằng cách đảm bảo rằng phần lớn hơn giữa nợ đến hạn và tài sản trong năm được giữ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận của Công ty. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
31 tháng 3 năm 2013			
Vay ngắn hạn	2.318.930.188	-	2.318.930.188
Phải trả người bán	26.594.948.905	333.097.375	26.928.046.280
Người mua trả tiền trước	2.988.801.256	-	2.988.801.256
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	15.086.098.001	-	15.086.098.001
Chi phí phải trả	287.385.980	270.807.764	558.193.744
Phải trả khác	4.952.276.567	1.049.357.266	6.001.633.833
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.049.278.795	-	1.049.278.795
	53.277.719.692	1.653.262.405	54.930.982.097
31 tháng 12 năm 2011			
Vay ngắn hạn	2.676.888.550	-	2.676.888.550
Phải trả người bán	43.431.131.488	292.884.003	43.724.015.491
Người mua trả tiền trước	836.167.728	51.562.500	887.730.228
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	5.204.604.503	-	5.204.604.503
Chi phí phải trả	902.245.477	218.560.000	1.120.805.477
Phải trả khác	568.132.707	1.046.984.282	1.615.116.989
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.334.170.159	-	1.334.170.159
	54.953.340.612	1.609.990.785	56.563.331.397

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh của Công ty. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin các tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở giá trị thuần giữa tài sản và nợ.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
31 tháng 3 năm 2013			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.460.400.000	-	11.460.400.000
Phải thu khách hàng	30.554.241.042	1.285.794.724	31.840.035.766
Trả trước cho người bán	623.532.124	32.727.471	656.259.595
Phải thu khác	47.532.683.802	1.141.383.333	48.674.067.135
Tài sản ngắn hạn khác	1.136.874.797	-	1.136.874.797
Đầu tư dài hạn khác	-	5.650.228.608	5.650.228.608
Tài sản dài hạn khác	2.845.510.928	-	2.845.510.928
	94.153.242.693	8.110.134.136	102.263.376.829
31 tháng 12 năm 2011			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.543.668.392	-	18.543.668.392
Phải thu khách hàng	42.845.402.498	8.082.080.484	50.927.482.982
Trả trước cho người bán	2.292.266.057	393.315.147	2.685.581.204
Phải thu khác	1.961.602.857	6.612.654.360	8.574.257.217
Tài sản ngắn hạn khác	2.546.508.594	-	2.546.508.594
Đầu tư dài hạn khác	-	7.060.497.098	7.060.497.098
Tài sản dài hạn khác	2.567.796.247	-	2.567.796.247
	70.757.244.645	22.148.547.089	92.905.791.734

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ/năm như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Hội đồng quản trị	Tạm ứng	1.057.545.000	92.706.000
	Lãi vay đến hạn	134.066.916	-
	Chi phí lãi vay	(454.590.000)	(182.008.543)
Ban Giám đốc	Tạm ứng	157.750.000	167.000.000
	Trả lãi cổ đông	(6.500.000)	-

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Bản chất số dư	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Các khoản phải thu			
Hội đồng Quản trị	Phải thu phi thương mại	-	96.239.095
Ban Giám đốc	Phải thu phi thương mại	106.807.318	71.000.000
Các khoản phải trả			
Hội đồng Quản trị	Phải trả phi thương mại	-	(8.298.355)

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	2.220.601.489	2.478.699.550

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong kỳ/năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ	Bán hàng hóa và thành phẩm	356.154.343	2.191.755.112
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(150.529.823)
		Phải thu chi phí tiện ích	124.079.555	11.672.500
		Phải trả phí nhượng quyền và chi phí tiện ích khác	(3.571.064.478)	(2.215.839.475)
		Cho vay	13.340.500.000	2.781.000.000
		Lãi cho vay	461.846.850	46.659.000
		Cho mượn tiền	5.600.000.000	8.650.000.000
		Cổ tức đã trả	-	(12.670.656.800)
		Phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	(783.462.324)	-
		Thuê kho, thuê văn phòng và chi phí quản trị mạng	(1.734.114.412)	(910.291.331)
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Bán hàng hóa và thành phẩm	78.355.198	557.695.850
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(25.347.848.997)	(42.841.028.101)
		Chi hộ phí bảo lãnh	125.914.102	261.434.576
		Nhận ký quỹ bảo lãnh	-	(1.215.034.099)
		Phải thu chi phí tiện ích và chi phí khác	202.072.246	199.997.350
		Cho vay	300.000.000	2.740.000.000
		Đi vay	-	(3.616.078.697)
		Lãi cho vay	990.000	33.209.805
		Lãi đi vay	-	(78.405.746)
		Cho mượn tiền	2.425.289.000	1.342.514.937
Cổ tức nhận được	6.528.000.000	1.632.000.000		
Phải trả khác	(1.203.036)	-		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và thành phẩm	633.925.222	10.281.704.251
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.275.748.768)	(745.580.536)
		Phải thu chi phí tiện ích và chi phí khác	13.222.218	115.983.501
		Phải trả chi phí tiện ích	(15.515.475)	(99.457.995)
		Xuất hộ thuê trạm	709.108.006	828.748.620
		Chi hộ chi phí thuê trạm	(860.447.369)	(593.200.000)
		Cho vay	5.768.996.550	12.493.333.773
		Cổ tức nhận được	24.600.000.000	-
		Lãi cho vay	251.191.345	472.090.166
		Cho mượn tiền	174.000.000	-
Mượn tiền	(25.000.000)	-		
Phải thu phạt chậm thanh	-	417.904.680		

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch toán	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(990.500)	(735.507)
		Phải thu phí tiện ích	31.323.704	12.702.404
		Phải trả phí tiện ích	(277.500)	(3.137.000)
Công ty Cổ phần Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	348.699.740	101.917.360
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(593.741)
		Phải thu phí tiện ích	84.294.734	18.666.530
		Phải trả phí tiện ích	(1.862.500)	(6.365.000)
		Cho vay	33.000.000	1.000.000.000
		Lãi cho vay	363.000	13.500.000
		Cho mượn	60.000.000	38.000.000
		Phải thu phạt chậm thanh toán	-	6.506.250
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	25.707.000	139.197.875
		Phải thu phí tiện ích	34.230.059	19.987.338
		Phải trả phí tiện ích	(6.664.850)	(5.095.500)
		Cho vay	-	1.000.000.000
		Lãi cho vay	1.125.000	16.500.000
		Cho mượn tiền	-	765.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	1.481.827.068	803.364.973
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(370.188.790)	(2.017.754.902)
		Phải thu phí tiện ích	66.819.539	23.300.050
		Phải trả phí tiện ích	(2.878.500)	-
		Cho vay	1.200.000.000	11.100.000.000
Lãi cho vay	20.530.000	85.180.000		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	1.089.541.615	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(12.000.000)	-
		Phải thu phí tiện ích	-	764.091
		Phải trả phí tiện ích	(2.595.000)	(11.178.000)
Công ty Cổ phần Inno	Công ty con	Góp vốn đầu tư	12.000.000.000	2.994.000.000
		Cho vay	5.647.000.000	6.814.400.000
		Phải thu khác	6.984.000	-
		Cho mượn tiền	3.000.000	-
		Phải thu phí tiện ích	-	14.119.285

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Các khoản phải thu				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ	Phải thu phi thương mại	13.620.058.685	9.385.340.850
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Phải thu thương mại	-	123.050.544
		Phải thu phi thương mại	3.588.131.466	424.255.004
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	72.992.115	2.225.178.489
		Phải thu phi thương mại	7.383.076.950	6.593.438.049
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	6.679.778	11.036.744
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	29.194.035	25.273.933
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	107.217.663
		Phải thu phi thương mại	7.576.855	12.520.572
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu thương mại	339.472.792	412.082.874
		Phải thu phi thương mại	9.958.284	2.020.885.480
Công ty Cổ phần Inno	Công ty con	Phải thu phi thương mại	487.697.510	6.831.713.510
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải thu thương mại	296.091.730	-
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ	Phải trả thương mại	(254.405.185)	(1.206.844.380)
		Phải trả phi thương mại	(2.059.530.301)	(781.079.511)
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Phải trả thương mại	(18.246.704.212)	(24.423.292.262)
		Phải trả phi thương mại	(14.329.374)	(87.627.016)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	(70.717.023)	(513.102.668)
		Phải trả phi thương mại	(170.343.663)	(37.416.090)
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải trả thương mại	-	(33.889.927)
		Phải trả phi thương mại	-	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(161.480.789)	(423.398.045)
		Phải trả phi thương mại	(3.166.350)	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(502.217.600)	-
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(991.562.217)	(958.857.266)

Các khoản phải thu/(phải trả) từ/(cho) công ty mẹ, các công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan là không được đảm bảo, không tính lãi và không ấn định thời gian hoàn trả.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

32. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí hàng hóa xuất bán	87.973.766.245	94.038.838.954
Chi phí nguyên vật liệu	11.483.818.875	14.487.864.714
Chi phí công nhân viên	14.045.463.136	11.481.193.476
Chi phí vật dụng văn phòng	354.654.213	437.311.199
Chi phí khấu hao	8.866.109.378	6.852.573.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.402.631.229	27.174.245.793
Chi phí khác	481.434.009	2.551.090.016


Người lập:



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 5 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 và 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 3 năm 2012	
			Chưa kiểm toán	31 tháng 12 năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	175.236.565.389	118.820.684.715	111.586.509.083
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	62.386.046.973	20.960.553.903	14.401.011.885
Tiền	111	5.919.046.973	4.360.553.903	5.101.011.885
Các khoản tương đương tiền	112	56.467.000.000	16.600.000.000	9.300.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11.460.400.000	16.391.490.818	18.543.668.392
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	11.460.400.000	16.391.490.818	18.543.668.392
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	80.145.482.626	58.482.276.689	61.299.215.594
Phải thu khách hàng	131	31.840.035.766	48.306.748.732	50.927.482.982
Trả trước cho người bán	132	656.259.595	666.749.302	2.685.581.204
Phải thu khác	135	48.674.067.135	10.396.884.464	8.574.257.217
Dự phòng phải thu khó đòi	139	(1.024.879.870)	(888.105.809)	(888.105.809)
Hàng tồn kho	140	17.036.736.700	16.865.260.253	11.753.484.607
Hàng tồn kho	141	19.122.999.576	18.531.222.188	13.419.446.542
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(2.086.262.876)	(1.665.961.935)	(1.665.961.935)
Tài sản ngắn hạn khác	150	4.207.899.090	6.121.103.052	5.589.128.605
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.730.529.864	2.308.033.299	2.764.845.504
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	259.463.903	1.829.792.299	277.774.507
Thuế và các khoản phải thu Ngân sách Nhà nước	153	1.081.030.526	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	1.136.874.797	1.983.277.454	2.546.508.594
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	36.117.104.214	63.735.447.029	65.233.862.758
Tài sản cố định	220	680.127.032	2.330.531.144	2.308.304.770
Tài sản cố định hữu hình	221	541.948.586	937.684.788	1.005.973.073
- Nguyên giá	222	3.588.309.293	4.055.448.658	4.004.085.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(3.046.360.707)	(3.117.763.870)	(2.998.111.949)
Tài sản cố định vô hình	227	20.109.441	56.672.109	65.812.776
- Nguyên giá	228	109.688.000	109.688.000	109.688.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(89.578.559)	(53.015.891)	(43.875.224)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	118.069.005	1.336.174.247	1.236.518.921
Bất động sản đầu tư	240	9.232.221.064	13.930.799.252	15.505.224.590
- Nguyên giá	241	39.999.680.784	38.186.735.835	38.179.543.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	(30.767.459.720)	(24.255.936.583)	(22.674.318.518)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	22.279.558.608	43.608.608.098	43.809.227.098
Đầu tư vào công ty con	251	16.629.330.000	4.629.330.000	4.629.330.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	-	32.119.400.000	32.119.400.000
Đầu tư dài hạn khác	258	5.650.228.608	6.859.878.098	7.060.497.098
Tài sản dài hạn khác	260	3.925.197.510	3.865.508.535	3.611.106.300
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.042.797.884	896.724.530	995.122.416
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	36.888.698	48.187.637	48.187.637
Tài sản dài hạn khác	268	2.845.510.928	2.920.596.368	2.567.796.247
TỔNG TÀI SẢN	270	211.353.669.603	182.556.131.744	176.820.371.841

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 và 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 3 năm 2012 Chưa kiểm toán	31 tháng 12 năm 2011
NỢ PHẢI TRẢ	300	64.935.329.591	62.361.557.821	61.028.021.782
Nợ ngắn hạn	310	56.658.263.821	53.598.750.405	58.200.234.965
Vay ngắn hạn	311	2.318.930.188	-	2.676.888.550
Phải trả người bán	312	26.928.046.280	38.378.149.836	43.724.035.491
Người mua trả tiền trước	313	2.988.801.256	3.094.059.429	887.730.228
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15.086.098.001	6.120.196.200	5.204.604.503
Phải trả người lao động	315	2.500.000	289.624.866	-
Chi phí phải trả	316	558.193.744	1.492.953.260	1.120.805.477
Phải trả khác	319	6.001.633.833	2.099.292.757	1.615.116.989
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	1.049.278.795	1.321.153.081	1.334.170.159
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	1.724.781.724	803.320.976	1.636.883.568
Nợ dài hạn	330	8.277.065.770	8.762.807.416	2.827.786.817
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	130.226.832	138.906.000
Doanh thu chưa thực hiện	338	7.058.045.834	7.100.578.916	1.056.131.671
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	1.219.019.936	1.532.001.668	1.632.749.146
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	146.418.340.012	120.194.573.923	115.792.350.059
Vốn chủ sở hữu	410	146.418.340.012	120.194.573.923	115.792.350.059
Vốn cổ phần	411	92.364.460.000	92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	6.083.358.132	6.083.358.132	6.083.358.132
Cổ phiếu quỹ	414	(1.007.355.357)	(286.125.132)	(286.125.132)
Quỹ dự phòng tài chính	418	2.206.932.831	4.076.216.022	4.076.216.022
Lợi nhuận chưa phân phối	420	46.770.944.406	17.956.664.901	13.554.441.037
TỔNG NGUỒN VỐN	440	211.353.669.603	182.556.131.744	176.820.371.841

Người lập:

PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 5 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ từ 1 tháng 1 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2012, 1 tháng 4 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2013 và

kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Cho kỳ từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Chưa kiểm toán	Cho kỳ từ 1/4/2012 đến 31/3/2013 Chưa kiểm toán	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28.845.328.908	122.367.782.624	151.213.111.532	190.233.016.970
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	-	(60.698.220)	(60.698.220)	(8.736.000)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28.845.328.908	122.307.084.404	151.152.413.312	190.224.280.970
Giá vốn hàng bán	11	(21.275.489.271)	(86.068.255.250)	(107.343.744.521)	(141.385.419.581)
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	7.569.839.637	36.238.829.154	43.808.668.791	48.838.861.389
Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.087.101.880	63.987.251.300	66.074.353.180	3.758.857.926
Chi phí tài chính	22	(126.042.967)	(465.696.181)	(591.739.148)	(1.703.259.150)
Chi phí bán hàng	24	(2.273.772.673)	(9.374.706.468)	(11.648.479.141)	(12.027.424.599)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(1.902.044.432)	(10.298.178.315)	(12.200.222.747)	(9.104.899.252)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	5.355.081.445	80.087.499.490	85.442.580.935	29.762.136.314
Thu nhập khác	31	8.035.377	594.999.923	603.035.300	896.808.542
Chi phí khác	32	(6.252.133)	(4.204.123.877)	(4.210.376.010)	(162.172.049)
Lợi nhuận khác	40	1.783.244	(3.609.123.954)	(3.607.340.710)	734.636.493
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.356.864.689	76.478.375.536	81.835.240.225	30.496.772.807
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	(665.229.825)	(16.870.840.792)	(17.536.070.617)	(4.072.158.867)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	(11.298.939)	(11.298.939)	(161.847.657)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.691.634.864	59.596.235.805	64.287.870.669	26.262.766.283

Người lập:



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 5 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 3: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

cho kỳ từ 1 tháng 1 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2012, 1 tháng 4 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2013 và kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ từ 1/1/2012	Cho kỳ từ 1/4/2012	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		đến 31/3/2012	đến 31/3/2013	kết thúc	kết thúc
		Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.356.864.689	76.478.375.536	81.835.240.225	30.496.772.807
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>					
Khấu hao tài sản cố định	02	1.732.308.836	7.133.800.542	8.866.109.378	6.852.573.126
Thay đổi các khoản dự phòng	03	-	557.075.002	557.075.002	204.594.461
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	04	-	(402.012.584)	(402.012.584)	(203.984.527)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.087.078.480)	(63.893.653.434)	(65.980.731.914)	(3.457.670.011)
Chi phí lãi vay	06	76.112.865	377.987.209	454.100.074	828.607.563
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08	5.078.207.910	20.251.572.271	25.329.780.181	34.720.893.419
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(104.075.437)	21.907.900.164	21.803.824.727	7.950.422.018
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(5.111.775.646)	(591.777.388)	(5.703.553.034)	7.827.116.736
Tăng(giảm) các khoản phải trả và chi phí phải trả	11	4.287.803.189	(8.041.665.007)	(3.753.861.818)	(6.677.715.529)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	555.210.091	431.430.081	986.640.172	(614.606.694)
Tiền lãi vay đã trả	13	(84.411.220)	(377.987.209)	(462.398.429)	(857.944.750)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(6.863.883.031)	(6.863.883.031)	(4.107.006.837)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	563.231.140	-	181.579.611	217.537.875
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.576.521.191)	(6.600.928.264)	(7.795.797.926)	(1.301.665.698)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20	3.607.668.836	20.114.661.617	23.722.330.453	37.157.030.540

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 3: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho kỳ từ 1 tháng 1 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2012, 1 tháng 4 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2013 và
kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Cho kỳ từ 1/1/2012	Cho kỳ từ 1/4/2012	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		đến 31/3/2012	đến 31/3/2013	kết thúc	kết thúc
		Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(180.109.872)	(828.307.067)	(1.008.416.939)	(979.697.453)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	335.501.409	335.501.409	214.303.785
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.500.000.000)	(18.280.000.000)	(24.780.000.000)	(85.174.180.750)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.221.793.124	24.620.240.308	34.842.033.432	85.027.042.677
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)	(2.994.000.000)
Tiền thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư tại công ty liên kết	26	-	31.061.186.970	31.061.186.970	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.087.078.480	22.871.838.358	24.958.916.838	3.450.599.370
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ/(sử dụng cho) hoạt động đầu tư	30	5.628.761.732	47.780.459.978	53.409.221.710	(455.932.371)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(721.230.225)	(721.230.225)	(60.784.000)
Tiền vay nhận được	33	-	-	-	13.467.068.575
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.676.888.550)	-	(2.676.888.550)	(16.756.878.750)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(25.748.398.300)	(25.748.398.300)	(29.488.548.700)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính	40	(2.676.888.550)	(26.469.628.525)	(29.146.517.075)	(32.839.142.875)

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 3: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho kỳ từ 1 tháng 1 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2012, 1 tháng 4 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2013 và
kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Cho kỳ từ 1/1/2012	Cho kỳ từ 1/4/2012	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		đến 31/3/2012	đến 31/3/2013	kết thúc	kết thúc
		Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ/NĂM	50	6.559.542.018	41.425.493.070	47.985.035.088	3.861.955.294
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ/NĂM	60	14.401.011.885	20.960.553.903	14.401.011.885	10.539.056.591
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ/NĂM	70	20.960.553.903	62.386.046.973	62.386.046.973	14.401.011.885

Trong năm có các giao dịch chủ yếu không bằng tiền như sau:

Nội dung	Cho kỳ từ 1/1/2012	Cho kỳ từ 1/4/2012	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
	đến 31/3/2012	đến 31/3/2013	kết thúc	kết thúc
	Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Chuyển nhượng cổ phần nắm giữ tại Công ty liên kết chưa thu tiền	-	30.002.973.940	30.002.973.940	-
Phải trả người bán chuyển sang vay ngắn hạn	-	2.318.930.188	2.318.930.188	-
Phải thu hồi vốn góp vào Công ty liên kết	-	1.058.213.030	1.058.213.030	-
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	-	110.000.000	110.000.000	-

Người lập:



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 5 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc